TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NHƠN TRẠCH** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 97/2025/QĐST-HNGĐ	*Nhơn Trạch, ngày 11 tháng 4 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHƠN TRẠCH, TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ các Điều 212, 213, 361 và Điều 397của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 55 và Điều 58 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 102/2025/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2025 về việc "Thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Anh **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1998
Địa chỉ: Thôn T, xã X, huyện Đ, tỉnh Phú Yên.
Nơi ở hiện nay: Khu phố P, thị trấn H, huyện N, tỉnh Đồng Nai.
Chị **Lê Thị Bích N**, sinh năm 2003
Địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên.
Nơi ở hiện nay: Ấp T, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Anh Nguyễn Văn T và chị Lê Thị Bích N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện Đ, tỉnh Phú Yên. Được UBND xã X cấp giấy chứng nhận kết hôn số 05 ngày 12/4/2021 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Trong thời kỳ hôn nhân, anh T và chị N có 01 con chung là cháu Nguyễn Lê Ha N1, sinh ngày 19/6/2020. Quá trình chung sống, vợ chồng bất đồng quan điểm nên thường xảy ra mâu thuẫn, hôn nhân không hạnh phúc nên anh T và chị N thống nhất yêu cầu Tòa án công nhận cho anh chị thuận tình ly hôn.

Ngày 03 tháng 4 năm 2025, Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch đã tiến hành hòa giải đoàn tụ đối với anh Nguyễn Văn T và chị Lê Thị Bích N nhưng không thành; các đương sự thống nhất thuận tình ly hôn và đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ các vấn đề liên quan. Thỏa thuận của các đương sự ghi nhận

tại biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 03 tháng 4 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Cụ thể như sau:

[1]Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T và chị Lê Thị Bích N thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Anh T và chị N có 01 con chung là cháu Nguyễn Lê Ha N1, sinh ngày 19/6/2020. Anh T và chị N thống nhất giao con chung cháu Ha N1 cho anh T nuôi dưỡng; Chị N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng.

Thời hạn cấp dưỡng nuôi con tính từ ngày Quyết định này có hiệu lực pháp luật đến ngày cháu Ha Na thành N2 và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình.

Chị N được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các đương sự được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4] Về lệ phí Tòa án: Anh Nguyễn Văn T và chị Lê Thị Bích N mỗi người chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự về hôn nhân và gia đình là 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận nêu trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T và chị Lê Thị Bích N thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Lê Ha N1, sinh ngày 19/6/2020 cho anh T nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Chị N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng.

Thời hạn cấp dưỡng nuôi con tính từ ngày Quyết định này có hiệu lực pháp luật đến ngày cháu Ha Na thành N2 và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình.

Chị N được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các đương sự được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự khai không có nên không xem xét.

2. Về lệ phí: Anh Nguyễn Văn T và chị Lê Thị Bích N mỗi người phải chịu 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự về hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí anh T và chị N đã nộp là 150.000 (một trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0022960, 0022959 ngày 20/3/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai. Anh T và chị N đã nộp xong lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4.Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát;
- UBND xã Xuân Sơn Bắc, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên;
- Thi hành án;
- Phòng tư pháp huyện;
- Lưu.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Trần Nguyên Vũ